



Mã số mẫu/ Sample Code:  
01643.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG  
2. Địa chỉ/ Address : 121 Ấp Giồng Giữa, xã Lịch Hội Thượng, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH (tại trạm)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 12/06/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/6/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	Escherichia coli (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc (*)	TCU	< 5	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,62 (24,2°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	2,69	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,97	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,29	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,32	TCVN 6186:1996	2

**Nhận xét:** "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Hà Tân Vinh

- (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
- Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1

Số: 01-06/PXN.AN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên mẫu: TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG (tại trạm).

Địa điểm lấy mẫu: 121 Ấp Giồng Giữa, xã Lịch Hội Thượng, TP. Cần Thơ.

Ngày lấy mẫu: 25/06/2026

Ngày kiểm mẫu: 25/06/2026

Tình trạng mẫu: mẫu đựng trong chai 250ml, không bổ sung hóa chất cố định.

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn
1	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	0,93	<2

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm

**Nhận xét:** Mẫu tại TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG (tại trạm) được kiểm nghiệm có chỉ tiêu **Độ đục** đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1/2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Người xét nghiệm

P. Giám đốc XN

Lâm Kim Ngân



Trịnh Bích Liễu



Mã số mẫu/ Sample Code:  
01644.26

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG  
2. Địa chỉ/ Address : 121 Ấp Giồng Giữa, xã Lịch Hội Thượng, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH (Hộ Lâm Văn Xương, ấp Giồng Giữa)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 12/06/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/6/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	Escherichia coli (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc (*)	TCU	< 5	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,62 (24,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	3,42	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,85	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,26	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓGIÁM ĐỐC  
Hà Tấn Vinh

Số: 02.06/PXN.AN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên mẫu: TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG (Mạng lưới 1).

Địa điểm lấy mẫu: Hộ Lâm Văn Xương (121 Ấp Giồng Giữa, xã Lịch Hội Thượng, TP. Cần Thơ)

Ngày lấy mẫu: 25/06/2026

Ngày kiểm mẫu: 25/06/2026

Tình trạng mẫu: mẫu đựng trong chai 250ml, không bổ sung hóa chất cố định.

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn
1	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	1,07	<2

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm

**Nhận xét:** Mẫu tại TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG (Mạng lưới 1) được kiểm nghiệm có chỉ tiêu **Độ đục** đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1/2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Người xét nghiệm

P. Giám đốc XN

Lâm Kim Ngân



Trịnh Bích Liễu



Mã số mẫu/ Sample Code:  
**01645.26**

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG  
2. Địa chỉ/ Address : 121 Ấp Giồng Giữa, xã Lịch Hội Thượng, thành phố Cần Thơ  
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH (Hộ Lâm Hoài Dũng, 105 ấp Giồng Giữa)  
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250ml  
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn  
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 12/06/2026 Ngày trả kết quả/ Issued date : 24/6/2026

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	Escherichia coli (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc (*)	TCU	< 5	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,58 (24,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	2,80	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,75	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,23	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,32	TCVN 6186:1996	2

Nhận xét: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm  
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM  
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Hà Tấn Vinh

1. (\*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử  
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ  
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

Trang: 1 / 1

Số: 03-06/PXN.AN

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên mẫu: TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG (Mạng lưới 2).

Địa điểm lấy mẫu: Hộ Lâm Hoài Dũng (105 Ấp Giồng Giữa, xã Lịch Hội Thượng, TP. Cần Thơ)

Ngày lấy mẫu: 25/06/2026

Ngày kiểm mẫu: 25/06/2026

Tình trạng mẫu: mẫu đựng trong chai 250ml, không bổ sung hóa chất cố định.

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn
1	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	1,21	<2

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm

**Nhận xét:** Mẫu tại TRẠM CẤP NƯỚC LỊCH HỘI THƯỢNG (Mạng lưới 2) được kiểm nghiệm có chỉ tiêu **Độ đục** đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1/2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Người xét nghiệm

P. Giám đốc XN



Lâm Kim Ngân

Trịnh Bích Liễu